

## VỀ môi trường văn hóa và môi trường văn hóa ở Việt Nam

HỒ SĨ QUÝ (\*)

### I. Ý nghĩa của việc đặt vấn đề về môi trường văn hóa

1. Nói đến *môi trường*, *vấn đề môi trường*, hay *bảo vệ môi trường* người ta thường hiểu là *môi trường tự nhiên*. Thành thử, tất cả các định nghĩa về *môi trường* đều là định nghĩa khái niệm *môi trường tự nhiên*.

Nhưng khi dùng khái niệm *môi trường* trong lĩnh vực phát triển xã hội và xây dựng con người, nghĩa là khi phân tích ảnh hưởng của môi trường đến đời sống của các chủ thể như cá nhân, nhóm, cộng đồng, đặc biệt khi gắn với các đặc trưng xã hội và nhân cách, người ta lại thấy thiếu hụt nếu không coi toàn bộ đời sống xã hội phong phú và phức tạp bên ngoài (các chủ thể đó) như là môi trường có ảnh hưởng và thường quy định, thậm chí quyết định diện mạo của mỗi chủ thể. Cá nhân nào cũng ít nhiều là sản phẩm của một xã hội cụ thể, nghĩa là được tạo ra từ một hệ thống, một cơ chế cụ thể. Xã hội nào cũng để dấu ấn của mình lên đời sống cá nhân, dù là dấu ấn tích cực hay dấu ấn tiêu cực. Trong những trường hợp như vậy, khái niệm *môi trường xã hội* xuất hiện, và *môi trường văn hóa* là khái niệm đặc biệt của *môi trường xã hội*. Đặc biệt hiểu theo nghĩa *môi trường văn hóa* thường được dùng với nghĩa rộng nhất, bao gồm toàn bộ đời sống con người về phương diện văn hóa, nghĩa là gần như trùng với khái niệm *môi trường xã hội* về mặt phạm vi, chỉ khác ở khía cạnh xem xét là văn hóa, chứ không phải là ở các mặt khác. Rất ít khi môi trường văn hóa chỉ được hiểu là gồm các hoạt động thuần túy văn hóa. Trong khi đó, các khái niệm khác

---

(\*) PGS.TS., Viện trưởng Viện Thông tin KHXH. [www.hosiquy.com](http://www.hosiquy.com); [Hosiquy@fpt.vn](mailto:Hosiquy@fpt.vn).

thuộc môi trường xã hội lại được sử dụng theo nghĩa hẹp hơn và có phần chặt chẽ hơn, chẳng hạn, môi trường pháp lý, môi trường kinh tế, môi trường giáo dục, môi trường đạo đức, v.v...

Đây là điểm cần lưu ý khi sử dụng khái niệm *môi trường văn hóa*. Trên thực tế, môi trường văn hóa là công cụ lý thuyết khá hữu hiệu để xem xét điều kiện bên ngoài làm nên sự hình thành hay tha hóa nhân cách, sự phát triển hay thụt lùi của cá nhân, sự tiến bộ hay lạc hậu của nhóm xã hội hoặc cộng đồng.

2. Theo chúng tôi, khi đời sống con người với các mặt như phong tục, tập quán, lối sống, đạo đức, pháp quyền, dân trí, tính năng động xã hội... được xem như là điều kiện, là cơ sở cho sự hình thành nhân cách, phát triển cá nhân, phát triển nhóm hoặc cộng đồng... thì đó chính là môi trường văn hóa. Như vậy, những nội dung cần phải quan tâm khi đặt vấn đề về *môi trường văn hóa* (như vừa kể trên), hầu hết đều là những nội dung quen thuộc. Bởi lẽ, cái đóng vai trò là điều kiện, là cơ sở, là môi trường cho sự hình thành nhân cách, phát triển cá nhân, phát triển nhóm hoặc cộng đồng chắc chắn là điều mà mỗi xã hội từ lâu đều đã phải quan tâm giải quyết (\*\*). Tuy vậy, chúng tôi cũng ghi nhận, *môi trường văn hóa* là khái niệm chỉ mới được sử dụng phổ biến trong những năm gần đây; nhiều người coi *môi trường văn hóa* là vấn đề mới, vấn đề nảy sinh trong đời sống xã hội hiện đại.

3. Việc đặt vấn đề về môi trường văn hóa như một công cụ lý

---

(\*\*) Xin được liệt kê một vài nội dung không mới mà mỗi xã hội đã từng gặp và từng phải giải quyết, nhưng nay lại được lý giải dưới lăng kính của lý thuyết môi trường văn hóa là:

- *Dân trí*: Dân trí của một xã hội, một cộng đồng bao giờ cũng là môi trường văn hóa quan trọng, có ảnh hưởng, có tác dụng to lớn đến việc định hướng hành vi của từng cá nhân và cộng đồng.

- *Dân khí* (thuật ngữ lâu nay ít dùng, nhằm biểu đạt trạng thái tinh thần chung của xã hội): Tinh năng động xã hội, thái độ chung về tương lai, ý chí phát triển, cảm nhận hạnh phúc xã hội... có ảnh hưởng, có ý nghĩa định hướng hành vi cá nhân và cộng đồng.

- *Ý thức pháp quyền*: Hệ thống luật pháp và trình độ thực thi luật pháp của toàn xã hội ảnh hưởng, quy định ý thức, hành vi pháp lý của từng cá nhân và cộng đồng.

- *Đạo đức*: Chuẩn mực đạo đức xã hội quy định, định hướng ý thức, hành vi cá nhân và cộng đồng.

- *Lối sống*: Lối sống phổ biến của từng cộng đồng trong xã hội, ảnh hưởng, quy định tình cảm, thái độ hành vi cá nhân và cộng đồng.

- *Phong tục, tập quán, truyền thống văn hóa*: Những bản sắc truyền thống của từng cộng đồng chi phối, ảnh hưởng đến hành vi cá nhân và cộng đồng.

thuyết có ý nghĩa của nó. Nếu *môi trường tự nhiên* là tập hợp các yếu tố bên ngoài *hệ thống xã hội - con người* làm thành *điều kiện cần* cho hệ thống đó tồn tại và phát triển, thì *môi trường văn hóa* là tập hợp các yếu tố bên trong *hệ thống xã hội - con người* làm thành *điều kiện đủ* cho mỗi tiểu hệ thống của hệ thống đó tồn tại và phát triển.

Điểm cốt lõi của việc đặt vấn đề về môi trường văn hóa là ở chỗ, trong sự phát triển năng động và phong phú của đời sống con người, môi trường văn hóa *có ảnh hưởng như thế nào, quy định những gì và quyết định đến đâu* đối với hành vi, thái độ và ý thức của mỗi người và cộng đồng: Tại sao người Việt Nam đa phần là thông minh, năng động, sáng tạo, nhưng lại hiếm những phát kiến lớn? Tại sao tiềm năng trí tuệ ở người Việt được khẳng định từ lâu đến nay phần lớn vẫn chỉ là tiềm năng? Tại sao không ít cái hay, cái tốt tiếp thu từ bên ngoài lại trở thành vô dụng hoặc méo mó khi triển khai trong thực tế? Tại sao có những giai đoạn nảy sinh nhiều tác phẩm văn chương nghệ thuật giá trị, trong khi có những giai đoạn, dù người ta đầu tư và hy vọng rất nhiều nhưng vẫn vắng bóng những tác phẩm như mong muốn? Tại sao ở Hà Nội thì nhân vật X chỉ là một người mờ nhạt trong hàng triệu người, nhưng ở phương Nam thì anh ta lại trở thành “hiện tượng”? V.v và v.v... Những câu hỏi này là “đất mùa vỡ” của lý thuyết môi trường văn hóa.

Đặt vấn đề về môi trường văn hóa còn một chiều khác nữa: Nếu như môi trường văn hóa có ảnh hưởng lớn đến mỗi người và cộng đồng, thì ngược lại, mỗi người và cộng đồng có khả năng và trách nhiệm đến đâu trong việc tạo ra môi trường văn hóa bình thường (hay lý tưởng) cho sự phát triển của xã hội nói chung và sự phát triển tự do của mỗi cá nhân nói riêng? Đành rằng, hệ thống nào, cơ chế nào thì cá nhân ấy, nhưng chẳng lẽ cá nhân chỉ thuần túy là sản phẩm thụ động của cơ chế. Trên thực tế, vai trò cá nhân có ý nghĩa rất lớn đối với việc cải tạo hoặc thay đổi môi trường văn hóa. Khả năng làm thay đổi hệ thống và cơ chế, làm thay đổi môi trường văn hóa bên ngoài chủ thể luôn là điều mà lý thuyết về môi trường văn hóa cần phải hướng tới.

Như vậy, tuy những nội dung chi tiết của vấn đề *môi trường*

văn hóa thì không hẳn đã mới, nhưng việc sử dụng lý thuyết môi trường văn hóa rõ ràng là một cách kiến giải mới, một phương án tư duy mới về những vấn đề quen thuộc. Và, ý nghĩa của việc đặt vấn đề về môi trường văn hóa chính là ở đây.

## II. Về môi trường văn hoá ở Việt Nam

Cho đến nay, trong khoa học xã hội Việt Nam, gần như chưa có một nghiên cứu nào thật toàn diện và đủ sâu sắc để xác định và đánh giá thực trạng toàn bộ môi trường văn hóa ở Việt Nam giai đoạn hiện nay. Những tác phẩm, bài viết đã công bố thường không có trách nhiệm phải đi tới một kết luận bài bản về hệ thống môi trường văn hóa hiện có, nên những gì đã nói thường không tránh khỏi những phân tích cảm nhận, những đánh giá cục bộ, hoặc những phác thảo có phần chủ quan khi nhân tiện bàn đến những vấn đề văn hóa - xã hội. Trong tình trạng chung như vậy, bài viết này cũng chưa vượt ra ngoài khuôn khổ của những hạn chế vừa nêu.

Trên cơ sở nghiên cứu và chứng kiến sự phát triển của đời sống văn hóa - xã hội đất nước những năm gần đây, chúng tôi xin cố gắng gợi mở một cái nhìn tổng thể về môi trường văn hóa ở nước ta hiện nay. Ở bình diện chung nhất, chúng tôi cho rằng, trong bối cảnh toàn cầu hóa, kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, *chưa bao giờ môi trường văn hóa ở Việt Nam phong phú, phức tạp và có nhiều tiềm ẩn như hiện nay. Đó là hệ thống những hiện tượng và quan hệ văn hóa - xã hội đa dạng, đa chiều và năng động, đủ để nuôi dưỡng mọi ý tưởng tốt đẹp, kích lệ mọi lợi thế trong phát kiến, sáng tạo, nhưng cũng đủ thách thức và cám dỗ khiến cho bất cứ cá nhân, gia đình, cộng đồng nào cũng phải cảnh giác trước nguy cơ lạc lối hoặc sai lầm. Có thể lý giải chi tiết hơn về nhận định này như sau:*

1. *Về phương diện tư tưởng - lý luận:* Trong khi khẳng định giá trị của chủ nghĩa Marx - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh, ở Việt Nam, luận thuyết của M. Weber về *văn hóa đóng vai trò là nhân tố quyết định từ bề sâu cấu trúc xã hội* (Xem: 34), lý luận của Alvin Toffler về *các làn sóng văn minh* (Xem: 28), quan điểm của UNDP và của Teilhard de Chardin về *con người là trung tâm của sự phát triển kinh tế - xã hội* (Xem: 23), quan điểm của Carl Popper về *xã*

*hội mở* (Xem: 21), quan điểm của Samuel Huntington về *sự đung độ của các nền văn minh* (Xem: 11, 12), lý thuyết của Mahathir Mohamad về vai trò của *các giá trị châu Á trong sự phát triển xã hội hiện đại* (Xem: 16, 24), quan niệm của T. Friedman về *thế giới phẳng và toàn cầu hóa* (Xem: 9), v.v... ngày nay, đều là những quan điểm, những luận thuyết không hề xa lạ đối với giới nghiên cứu nói riêng và trí thức nói chung. Một vài lý thuyết trước kia bị e ngại, thậm chí đôi khi bị cố tình lãng quên, nay đã có thể tìm được vị trí của mình trong đời sống tinh thần xã hội. Những hiện tượng mới trong lý luận thế giới như quan điểm về *kinh tế tri thức* (Xem: 14, 18), các quan niệm về *toàn cầu hóa*, quan điểm về *phát triển con người và bộ công cụ HDI* (Xem: 32), về *môi trường và phát triển bền vững* (Xem: 35, 2, 15), về *vốn con người và vốn xã hội* (Xem: 10, 4, 1) ... đã nhanh chóng được phổ biến, tiếp thu và nghiên cứu ứng dụng ở Việt Nam. Một số tác phẩm được coi là “hiện tượng” đối với thế giới như cuốn hồi ký “Nhìn lại quá khứ: tấn thảm kịch và bài học về Việt Nam” của Robert McNamara (1995), “Thế giới phẳng” của Thomas Friedman (2006), hay một số ấn phẩm có giá trị của Ngân hàng thế giới, của UNDP, của UNESCO... được xuất bản bằng tiếng Việt gần như đồng thời (trong cùng một năm) với bản gốc. Chúng tôi muốn nói rằng, đây là một hiện tượng mới của đời sống tinh thần xã hội ở Việt Nam, mà không phải ở đâu cũng cập nhật được như thế. Bên cạnh việc phổ cập các chương trình truyền hình quốc tế, các thông tin trên mạng Internet, các sản phẩm nghe nhìn từ các phương tiện truyền thông đại chúng khác, việc đa dạng hóa, cập nhật hóa các thông tin trong đời sống lý luận có ý nghĩa đặc biệt đối với môi trường văn hóa nói chung.

Dĩ nhiên, vẫn có những vùng cấm và dòng thông tin không phải lúc nào cũng thông suốt như nó phải thế. Điều này có lý do khách quan của nó. Điều đáng ngại hơn nằm ở chỗ khác: Môi trường văn hóa về lĩnh vực này tuy phong phú, đa dạng, đa chiều nhưng mới chỉ ở trình độ hạn chế. Tất cả các lý thuyết kể trên đều chưa được xã hội biết đến một cách sâu sắc. Ngay ở các trường đại học và các viện nghiên cứu cũng rất hiếm những chuyên gia thực sự tầm cỡ hay những trung tâm có uy tín về các lý thuyết, quan điểm nói trên. Đây là điều còn non yếu, bất cập của khu vực lý

luận, làm ảnh hưởng đến trình độ của đời sống tinh thần xã hội và trình độ của môi trường văn hóa nói chung.

2. *Về phương diện kinh tế - xã hội:* Nền kinh tế Việt Nam ngày nay tuy đang vận hành theo cơ chế thị trường với những đòi hỏi khắt khe của toàn cầu hóa, buộc phải đáp ứng yêu cầu của những định chế xuyên quốc gia, và dù đã gia nhập WTO, nhưng vẫn bị coi là chưa kết thúc giai đoạn *chuyển đổi*. Một thực thể kinh tế như vậy đã tạo ra trong lòng nó những hiện tượng, những hoạt động phức tạp đan xen nhau mà ở các nền kinh tế thuần nhất không có. Điều này là môi trường vừa tích cực vừa tiêu cực về phương diện văn hóa đối với các hoạt động kinh tế - xã hội, tức những hoạt động không chỉ liên quan trực tiếp đến kinh tế. Hiện nay, ở Việt Nam, nhiều dạng hoạt động của kinh tế thị trường đã định hình và phát triển, song cũng còn một số hình thức chỉ mới đang hình thành hoặc còn rất sơ khai. Thị trường thực sự văn minh thì đang rất thiếu, nhưng những hiện tượng không lành mạnh, tiêu cực, thậm chí “một thế giới ngầm” tồn tại đây đó trong các nền kinh tế bên ngoài thì đã thấy có mặt ở Việt Nam. Kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, song thực lực còn chưa đủ mạnh và vẫn kém hiệu quả. Công ty đa quốc gia nhưng vẫn hưởng lợi từ chính sách ưu đãi quốc gia. Làm thuê đơn giản tồn tại song song với sản xuất lớn, với kinh tế tri thức. Di chứng bao cấp vẫn còn tác dụng trong một số hoạt động kinh tế. Nghèo đói giảm mạnh, thậm chí được thế giới đánh giá rất cao nhưng phân cực giàu nghèo lại tăng lên ghê gớm (\*\*\*) . Hiện tượng xa xỉ, lãng phí, tham nhũng xuất hiện ở nhiều nơi. Báo chí thời gian gần đây đã nói khá nhiều về những hiện tượng xấu trong nền kinh tế Việt Nam. Vấn đề là ở chỗ, môi trường văn hóa như vậy trong hoạt động kinh tế đủ chỗ cho mọi kiểu tư duy kinh tế lành mạnh bén rễ và phát triển, nhưng cũng đủ kẽ hở nuôi dưỡng gần như mọi dạng không lành mạnh trong hoạt động trục lợi. Làm ăn chân chính, dựa vào chữ tín để sinh lợi tồn tại bên cạnh các hành vi lừa bịp, gian dối. Trong khi có những doanh nhân ngày

---

(\*\*\*) Tỷ lệ nghèo lương thực, thực phẩm giảm từ 55% năm 1990 xuống còn 7,8% năm 2004, nghèo chung giảm từ 70% năm 1990 xuống còn 24,1% năm 2004, nhưng chênh lệch giàu nghèo lại tăng từ 4,1 lần năm 1990 lên 7 lần năm 1995 tăng, và 8,1 lần năm 2002 và năm 2004. Xem: *Nguy cơ tụt hậu xa hơn vẫn là thách thức lớn*. <http://www.mof.gov.vn>. 31/05/2005.

đem bị thôi thúc bởi trách nhiệm cá nhân trước thực trạng yếu kém của kinh tế Việt Nam trên thương trường quốc tế, thì vẫn có những người, thậm chí những người có trách nhiệm cao trong khu vực kinh tế nhà nước và tư nhân chỉ biết vụ lợi và bất chấp lợi ích quốc gia (Xem: 17). “Trong lúc người Việt Nam ở nước ngoài chắt chiu một cách khó nhọc từng đồng gửi về Tổ quốc thì có công chức lại cá độ hàng triệu USD gửi ra nước ngoài” (Lời Lê Đăng Doanh. Xem: 33). Tham nhũng, buôn bán phụ nữ xuyên quốc gia, biển thủ cả tiền cứu trợ, lừa đảo cả người lao động lẫn quan chức chính phủ... ngang nhiên tồn tại bên cạnh những hiện tượng lành mạnh, làm lợi cho người lao động và cho xã hội.

Cơ chế kinh tế như vừa nói là đầu mối của một môi trường văn hóa đa dạng và phức tạp mà các nhà nghiên cứu còn cần nhiều công sức hơn nữa để mổ xẻ.

3. *Về phương diện đời sống tinh thần xã hội*: Chúng tôi muốn đề cập đến *trạng thái tinh thần chủ đạo của xã hội khi nhìn nhận và đánh giá sự phát triển của đất nước*, xin tạm gọi là *tâm thế phát triển* hay *cảm hứng phát triển*, một hiện tượng mới xuất hiện gần đây khi đất nước đã ra khỏi giai đoạn khủng hoảng, đạt được những thành tựu “to lớn và có ý nghĩa” sau hơn 20 năm đổi mới, đang đứng trước những vận hội mới, mà nhiều người thường gọi là “thời cơ vàng” (Xem: 19) của sự phát triển, khiến mỗi thành viên xã hội ít nhiều đều buộc phải bày tỏ thái độ. Theo chúng tôi, tâm thế phát triển của xã hội hiện nay chủ yếu là tích cực, nhưng vẫn có luồng ý kiến trái ngược với nó. Trước hết xin được nói về luồng tâm thế hoài nghi, lo lắng và đôi khi bi quan về sự phát triển.

- Dù không chiếm đa số, nhưng vẫn có một cái nhìn hoài nghi, bi quan ở một số người, đáng chú ý là trong đó có những chuyên gia, những nhà hoạt động xã hội lo ngại Việt Nam sẽ tụt hậu xa hơn so với thế giới và các nước trong khu vực. Ở mức độ nhẹ nhàng hơn, một vài tác giả nghi ngờ lập luận của những người khẳng định “thời cơ vàng” của sự phát triển (Chẳng hạn, Trần Thanh Đạm. Xem: 20).

Chẳng hạn, theo tính toán của một số chuyên gia IMF, GDP/đầu người của Việt Nam năm 2005 là 552 USD. Nếu đạt giá thiết, các nước thu nhập cao hơn ở ASEAN ngừng phát triển và

Việt Nam vẫn cứ tăng trưởng như hiện nay, thì cũng phải mất 5 năm Việt Nam mới đuổi kịp Indonesia và Philippines, 20 năm để đuổi kịp Thailand, 24 năm để đuổi kịp Malaysia, 38 năm để đuổi kịp Brunei và 40 năm để đuổi kịp Singapore. Còn nếu các nước ASEAN chỉ cần vẫn cứ tăng trưởng với tỷ lệ như 10 năm qua, Việt Nam sẽ mất 18 năm để đuổi kịp Indonesia, 34 năm để đuổi kịp Thailand và 197 năm để đuổi kịp Singapore (Xem: 8). Mặc dù đây là con số so sánh thuần túy “cơ học” và xã hội phát triển dĩ nhiên không máy móc như thế, nhưng sự so sánh này dấu sao vẫn có ý nghĩa cảnh báo đáng suy ngẫm.

Có ý kiến khác lại cho rằng, với khoản đầu tư nước ngoài vào Việt Nam như hiện nay, đáng ra nền kinh tế phải tăng trưởng cao hơn 7-8%/năm. Sự tăng trưởng hiện có chỉ là *tăng trưởng ảo* chứ chưa phải là *phát triển*. Đó là “ảo giác tăng trưởng” (RFA 4/7/2006. Xem: 31). Nếu ảo giác này không phải chỉ là sản phẩm của sự tưởng tượng, thì rõ ràng khó tránh khỏi nó sẽ dẫn đến tình trạng tụt hậu ngày càng xa hơn.

Tại phiên họp ngày 21/10/2006, kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XI, ông Nguyễn Bá Thanh, bằng con số cụ thể, đã chỉ ra bức tranh đáng ngại của nền kinh tế Việt Nam: Năm 2006, tổng sản phẩm trong nước ước đạt 8,2%, tương đương 60 tỷ USD. Tổng thu ngân sách cả nước xấp xỉ 16 tỷ USD, trong khi ngân sách đã bội chi 3 tỷ USD (tổng chi khoảng 19 tỷ USD), gần 5% GDP (ngưỡng an toàn). Trong khi đó Nhà nước nợ dân qua bán trái phiếu và một số hình thức khác khoảng 22 tỷ USD, nợ nước ngoài gần 20 tỷ USD. Ông Nguyễn Bá Thanh hài hước bình luận: "Một bức tranh kinh tế như thế mà nói rằng đến năm 2025 ta sẽ đứng thứ 16 trên thế giới thì tôi rất nghi ngờ, gắng sống thêm 19 năm nữa coi ta đứng thứ bao nhiêu?" (Xem: 6).

Dĩ nhiên, ông Nguyễn Bá Thanh không bi quan, song tham luận của ông đã chỉ rõ điểm bất cập, cách nhìn nhận giản đơn, khi phần đông chỉ thấy sự phát triển của đất nước và của nền kinh tế theo chiều hướng lạc quan.

Cái nhìn bi quan còn xuất phát từ thực trạng của nền giáo dục mà gần đây báo chí đã lên án một cách gay gắt: cơ chế thi cử bất cập, tình trạng dạy thêm, học thêm vô nguyên tắc, nạn tiêu cực tràn lan từ cấp tiểu học đến sau đại học; đã rất khó kiểm soát được

chất lượng thực của sản phẩm giáo dục - con người, những con người đang và sẽ làm chủ tương lai. Bên cạnh giáo dục là y tế; những lo lắng cho môi trường văn hóa trong hệ thống y tế cũng rất nặng nề: tình trạng xuống cấp đạo đức đã phá vỡ quan hệ bình thường giữa thầy thuốc, bác sĩ và người bệnh. Có những tiêu cực nằm ngoài tưởng tượng của nhiều người. Cùng với giáo dục và y tế là các hoạt động văn hóa, khoa học, nghệ thuật, xuất bản, du lịch, giao thông, môi trường, các hoạt động an sinh xã hội... Xin không nêu thêm những hiện tượng trái chiều, các tệ nạn xã hội ở các hoạt động này vì báo chí đã nói gần như hàng ngày. Tâm trạng lo ngại là có thật: khả năng gặp tiêu cực, xác suất rơi vào cái xấu rình rập một cách thường trực, đến mức có người đã cảm thấy lớp trẻ ngày nay coi hành xử một cách tiêu cực là lẽ dĩ nhiên, là điều bình thường của mọi giao tiếp xã hội (Xem: 7). Nếu số đông lớp trẻ ngày nay thực sự suy nghĩ và ứng xử như vậy, thì quả thực đây là điều nguy hiểm.

Không thể nói thái độ bi quan hoặc lo lắng cho môi trường văn hóa như vừa nêu là thiếu cơ sở. Nếu chỉ nhìn vào những hiện tượng đó người ta buộc phải nghi ngờ liệu tương lai có chắc chắn tốt đẹp hơn.

- Tuy nhiên, nhìn từ một phía khác, tâm thế phát triển chủ đạo của xã hội ngày nay lại đúng là tâm thế tích cực, lạc quan. Và đây là môi trường văn hóa đặc biệt quan trọng. Không thể phủ nhận “tâm thế phát triển”, “cảm hứng phát triển” ở Việt Nam, hơn lúc nào hết, hiện đang biểu lộ đặc biệt năng động. Năm 2006 với những thành tựu phát triển ấn tượng, cùng một loạt sự kiện quốc gia có ý nghĩa, vị thế của Việt Nam đã được hầu hết các nước, các tổ chức quốc tế đánh giá tích cực. Không khí hồ hởi, tin ở tương lai là không khí chủ đạo ở đa số các tầng lớp cư dân.

Rất nhiều người nhìn thời điểm hiện nay như là cơ hội có một

không hai, là “cơ hội vàng” cho sự cất cánh của đất nước và sự thành đạt của mỗi gia đình, cộng đồng<sup>(\*\*\*\*)</sup>. Tâm thế này đương nhiên là hệ quả nảy sinh từ sự phát triển hiện thực của đất nước, nhưng hơn thế, tâm thế này lại nhận được sự cổ vũ bởi cái nhìn thiện cảm và tích cực từ bên ngoài (Xem: 5, 22, 26, 27). Xin được trích vài nhận xét của những người nước ngoài đã từng sống và làm việc tại Việt Nam.

Chẳng hạn, Klaus Rohland, đại diện WB tại Việt Nam cho rằng: “Việt Nam là câu chuyện về một thành công lớn. Có thể khẳng định, ngoài Trung Quốc, Việt Nam là nền kinh tế phát triển thành công nhất thế giới. Đáng chú ý hơn là Việt Nam đạt được kết quả này khi chưa trở thành thành viên WTO” (30).

Jonathan Wagh, Chủ tịch một công ty Đức, người đã sống ở Việt Nam hơn 10 năm nhận xét: “Nhìn chung, người Việt Nam rất cởi mở và muốn hiểu biết nhiều hơn về các nền văn hóa khác. Ngoài ra họ được đào tạo tốt và rất thông minh. Trong trường, họ được dạy là phải theo một kỷ luật rất chặt chẽ, vì vậy tư duy giải quyết vấn đề của họ bị bó hẹp. Nhưng nhiều người Việt Nam có khả năng nhanh chóng khắc phục được nhược điểm này, nếu họ được hướng dẫn. Và ai mà làm được điều này thì khó mà đánh bại được do họ có sự phối hợp giữa hiểu biết và kiến thức chuyên môn” (30).

Mac Lachlan, phó Đại sứ Anh, sau nhiều năm làm việc tại Hà Nội đã coi điều mà ông ấn tượng nhất là: “Người Việt Nam có tinh

---

(\*\*\*\*) *Thời cơ vàng của chúng ta*, Nxb Trẻ và Vietnamnet xuất bản, 2006.

Xem bài Nguyễn Trung:

- Lần đầu tiên trong hai thế kỷ nay Việt Nam bây giờ không có kẻ thù chiến lược.
- Lần đầu tiên trong hai thế kỷ nay Việt Nam được công nhận đầy đủ và có quan hệ chính thức với tất cả các cường quốc, với hầu hết các quốc gia khác còn lại trên thế giới, Việt Nam đã thật sự trở thành thành viên có vị thế nhất định trong cộng đồng quốc tế.
- Lần đầu tiên trong hai thế kỷ nay Việt Nam trở thành một quốc gia xuất khẩu và trên thực tế là đã có quan hệ kinh tế, thương mại với hầu hết các quốc gia trên thế giới.
- Lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam chúng ta có tất cả các cường quốc trên thế giới là đối tác kinh tế quan trọng, là thị trường quan trọng của nước mình! Trên hết cả, lần đầu tiên trong lịch sử của mình, Việt Nam là đối tác với tất cả các cường quốc trên thế giới, đang có khả năng ngày một mở rộng sự hợp tác của mình với tất cả các cường quốc và mọi đối tác khác trên thế giới!...
- Lần đầu tiên trong lịch sử của mình Việt Nam có khả năng thực hiện được ước vọng là gương cao ngạo cỡ hữu nghị và hợp tác, vì hòa bình và phát triển của mọi quốc gia trong cộng đồng thế giới.

thần học hỏi ghê gớm”. Theo ông, nhiều nước châu Âu và châu Á muốn hợp tác với Việt Nam là vì điểm này (29).

Địch Côn, nhà nghiên cứu thuộc Viện Quan hệ quốc tế Trung Quốc cho rằng, “Việt Nam trở thành cường quốc ở Đông Nam Á chỉ còn là vấn đề thời gian”. Nguyên nhân, theo Địch Côn, Việt Nam hiện nay có ba ưu thế. Thứ nhất, có mô hình phát triển phù hợp. Thứ hai, có chính trị và xã hội ổn định. Thứ ba, dân tộc Việt Nam có chí tiến thủ mạnh mẽ với 82 triệu dân, mà kết cấu dân số lại có đến 2/3 là những “con hổ non - những người trẻ tuổi”. Do vậy, ông nhận xét: “Có thể thắng, có thể trầm, nhưng với lòng tự tôn mạnh, Việt Nam sẽ không chịu thấp kém”(31).

Không chỉ Địch Côn, Richard Quest, và khá nhiều học giả nước ngoài khác, mà ngay cả Tổng thống G. Bush cũng đã sử dụng hình ảnh *Con hổ châu Á* để nói về Việt Nam. Khi tham dự Hội nghị APEC Hà Nội 11/2006, G. Bush nhận định, Việt Nam “là một con hổ trẻ” (young tiger) và “tôi rất ấn tượng về sự phát triển này” (3). Điều chúng tôi muốn lưu ý là, ngay cả sau sự kiện tiêu cực ở PMU18, cái nhìn thiện cảm đối với sự phát triển của Việt Nam cũng không hề vì thế mà suy giảm như dự báo của một số chuyên gia. Hilary Benn, Bộ trưởng Bộ Phát triển quốc tế Vương quốc Anh, người có quan điểm cứng rắn trong việc gắn viện trợ với chống tham nhũng cũng phải thừa nhận, Việt Nam đã làm được nhiều việc đáng ngạc nhiên, nhất là xóa đói giảm nghèo, cải thiện cuộc sống cho người dân. Chính điều đó đã khiến ông quyết định ký một viện trợ hợp tác với Việt Nam vào trung tuần tháng 9/2006<sup>(\*\*\*\*)</sup>. Rõ ràng, không phải tất cả mọi lời khen của các học giả nước ngoài đều là “ngoại giao”, đều là kém căn cứ.

Thêm một chỉ báo nữa có thể được chọn làm căn cứ đánh giá môi trường văn hóa ở Việt Nam: Giữa năm 2006, NEF (New

---

(\*\*\*\*) Hilary Benn đã ký thỏa thuận, theo đó Anh viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam 450 triệu USD trong 5 năm: “Thời gian qua Việt Nam đã tiến bộ rất nhiều, với những kết quả đáng kinh ngạc trong lĩnh vực xóa đói giảm nghèo trong vòng 20 năm trở lại đây. Hiện chính phủ Việt Nam đã công khai với vấn đề tham nhũng. Đây thực sự là bước đi quan trọng, một bước tiến tích cực”. Xem: <http://diendan.edu.net.vn/forums/22/9/2006>.

Economics Foundation), một tổ chức nghiên cứu xã hội có uy tín ở Anh, đã đánh giá chỉ số hạnh phúc (HPI) của 178 nước trên thế giới tính đến thời điểm đó. Điều thú vị là, NEF đã đo đạc và xếp Việt Nam đứng thứ 12 trong số 178 nước với chỉ số hạnh phúc tổng hợp là 61,2, trên cả Trung Quốc (31/178), Thailand (33/178), Italia (66/178), Nhật Bản (95/178), Mỹ (108/178) và hơn 160 nước khác. Theo chỉ số này, *hạnh phúc của mỗi cộng đồng được đo bằng số năm trong vốn tuổi thọ mà con người cảm thấy hài lòng với cuộc sống của mình trên cơ sở tính toán điều này có phù hợp với điều kiện tài nguyên tự nhiên được phép tiêu dùng hay không*. Nghĩa là, hạnh phúc không nhất thiết đi liền với trình độ giàu - nghèo, hay mức độ phát triển - kém phát triển, hạnh phúc trước hết là mức độ con người hài lòng với cuộc sống của mình (Xem: 25, 36).

Dường như có vẻ thiếu thuyết phục khi Việt Nam lại được coi là hạnh phúc hơn cả Mỹ và Nhật Bản, điều này có thể phải bàn luận thêm. Nhưng ở đây, trên bình diện môi trường văn hóa, chúng tôi muốn khai thác kết quả nghiên cứu của NEF về mức độ hài lòng của người Việt Nam với cuộc sống hiện tại của mình. 61,2% cư dân Việt Nam thừa nhận là hạnh phúc, nghĩa là hài lòng với cuộc sống hiện tại, theo chúng tôi, là con số có thể tin được. Con số này càng trở nên quý giá hơn nếu lưu ý, mức lý tưởng trong điều kiện hiện nay là quốc gia nào đó có 83,5% chứ không phải 100% cư dân hài lòng với cuộc sống của mình (nước xếp thứ 1/178 về chỉ số hạnh phúc là quốc đảo Vanuatu, nhưng chỉ số cũng mới chỉ là 68,2, còn xa mới đạt tới 83,5).

Và cuối cùng, một chỉ báo khác, tuy phạm vi và thời gian khái quát có hẹp hơn so với quy trình nghiên cứu chỉ số hạnh phúc của NEF, nhưng cũng hoàn toàn xứng đáng được chọn làm căn cứ đánh giá môi trường văn hóa ở Việt Nam: Cuối năm 2006, Viện Gallup International (GIA, một tổ chức nghiên cứu xã hội học nổi tiếng) đã khảo sát mức độ lạc quan và bi quan của dân chúng tại 53 nước trên thế giới. Kết quả là người Việt Nam hoá ra dẫn đầu thế giới về mức độ tin tưởng vào tương lai. Trong gần 49.000 người tại 53 nước được hỏi, chỉ có 43% tin rằng tương lai sẽ tốt đẹp hơn, trong đó, Việt Nam: 94% tin tưởng vào tương lai, Hong Kong: 74%, Trung Quốc: 73%, Ghana 68%, Nigeria 66%, Thailand: 53%, Singapore: 52%. Những nước có số người bi quan nhiều nhất khi nhìn về tương

lai là Ấn Độ: 32%, Indonesia: 33%, Philippines: 34%, Iraq: 43%, và Hy Lạp: 44% (xem: 13).

Đĩ nhiên, những nghiên cứu nói trên không phải đã tuyệt đối thuyết phục và khi nghe người bên ngoài ca ngợi Việt Nam hạnh phúc hay lạc quan nhất thế giới, thì cũng không ai quên Việt Nam vẫn mới chỉ là nước có GDP thấp và nhiều mặt còn cách các nước trong khu vực khá xa. Nhưng, chính điều đó lại càng làm cho việc đánh giá tâm thế phát triển của Việt Nam trở nên có ý nghĩa hơn.

### III. Kết luận

1. Chưa bao giờ môi trường văn hóa ở Việt Nam lại phong phú và đa dạng, lại năng động và tích cực, lại khích lệ và cảm dỗ, lại có nhiều cơ hội và thách thức... như hiện nay. Có thể nói được như thế với thái độ hoàn toàn nghiêm túc và khách quan. Mức độ phong phú và đa dạng, nhịp điệu năng động và tích cực của môi trường văn hóa Việt Nam hiện đã đủ để nuôi dưỡng mọi ý tưởng tốt đẹp, khích lệ mọi lợi thế trong phát kiến, sáng tạo. Nhưng mặt khác, mặt trái của nó, cũng đủ thách thức và cảm dỗ khiến cho bất cứ cá nhân, gia đình, cộng đồng nào cũng phải cảnh giác trước nguy cơ lạc lối hoặc sai lầm.

2. Nếu nhìn xã hội Việt Nam qua ấn tượng của những hiện tượng tiêu cực và bất cập trong đời sống kinh tế - xã hội, qua dự báo lạnh lùng của quan điểm bi quan về sự phát triển tiếp theo ở Việt Nam, hay qua so sánh với các nước đi trước về một số hiện tượng cụ thể trong hoạt động khoa học, giáo dục và công nghệ... thì có thể có cảm giác là môi trường văn hóa ở Việt Nam đang tích tụ những điều đáng phải lo ngại. Đa dạng và đa chiều nhưng có tình trạng cản trở nhau, mâu thuẫn với nhau, thậm chí triệt tiêu lẫn nhau... trong sự phát triển. Có nhiều nhân tố tốt đẹp và lành mạnh, nhưng cũng lại nuôi dưỡng trong mình nhiều nhân tố không bình thường, xấu xa, thậm chí tệ hại, làm thui chột nhiều tiềm năng, ẩn chứa nhiều thách thức nguy hiểm cho sự phát triển của cá nhân và cộng đồng.

Bởi vậy, sẽ là cực kỳ nguy hiểm nếu chỉ nhìn sự phát triển của xã hội Việt Nam ngày nay với con mắt lạc quan đến mức mất cảnh giác cho rằng, không nhân tố tiêu cực nào có thể cản trở hoặc làm

hởng sự phát triển xã hội. Trong điều kiện toàn cầu hóa, người ta buộc phải tính đến tình trạng một ung nhọt đôi khi có thể tiêu hủy cả một cơ thể. Thế giới ngày nay rất dễ bị thương tổn, đổ vỡ, hoặc bùng nổ vì những nguyên nhân có thể chỉ là bất ngờ hoặc không tất yếu<sup>(\*\*\*\*\*)</sup>. Việt Nam, dĩ nhiên, không nằm ngoài trật tự chung đó.

3. Nhưng, cũng sẽ là thiếu cặn hoặc không sáng suốt nếu chỉ nhìn sự phát triển của xã hội Việt Nam ngày nay với con mắt thuần túy bi quan. Môi trường văn hóa ở Việt Nam hiện có không ít nhân tố tiêu cực và không bình thường, thậm chí rất không bình thường. Song nếu biết khống chế một cách sáng suốt, thì phần lớn những điều bất bình thường và những nhân tố tiêu cực đó, nhiều lắm cũng chỉ đến mức là căn bệnh tất nhiên hay khó tránh của một cơ thể đang phát triển.

Khi nhìn môi trường văn hóa Việt Nam qua lăng kính *tâm thế phát triển* của đại đa số cư dân, qua đánh giá tích cực và có thiện cảm của những chuyên gia nước ngoài, qua số liệu về mức độ lạc quan, hay qua chỉ số hạnh phúc của Việt Nam mà thế giới đã đo đạc và công bố, thì phải thừa nhận, nét chủ đạo của môi trường văn hóa ở Việt Nam hiện nay là tốt đẹp và lành mạnh, chứ không phải ngược lại.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Ngọc Bích. Vốn xã hội và phát triển.  
<http://www.rced.com.vn>. 5/07/2006.

---

(\*\*\*\*\*). Chẳng hạn, hai năm nay, thế giới đã chứng kiến những rắc rối chính trị, những xung đột xã hội, thậm chí cả đe dọa trừng phạt kinh tế và tiến hành chiến tranh... do nguyên cớ chỉ là suy diễn hay kích động từ một hành vi thiếu tính toán của Thủ tướng Italia Silvio Berlusconi, một lời nói bất cẩn của Thủ tướng Anh Tony Blair, một trích dẫn nhạy cảm của Giáo Hoàng Benedict XVI, một thái độ thái quá của Tổng thống Gruzia Mikhail Saakashvili, hay một bức tranh biếm họa về Hồi giáo...

2. Brundtland Commission. Our Common Future. The WCED, [http://www.geneva-international.org/GVA/WelcomeKit/](http://www.geneva-international.org/GVA/WelcomeKit/environnement) environnement. 1987
3. Bush chứng kiến sự “phấn khởi ở Việt Nam”. BBC Vietnamese.com 17/11/2006.
4. Trần Hữu Dũng. Vốn xã hội và phát triển kinh tế. <http://www.rced.com.vn> 5/07/2006.
5. Good morning at last, Economist.com. Aug 3, 2006.
6. Hồng Khánh. Tổng dư nợ quốc gia đang vượt ngưỡng an toàn. [www.vnn.vn](http://www.vnn.vn) 21/10/2006.
7. Khi người trẻ nhìn đời tiêu cực, [www2.dantri.com.vn](http://www2.dantri.com.vn) 6/10/2006.
8. Lee, Il Hong. Việt Nam đuổi kịp Singapore:cần 197 năm. [www2.dantri.com.vn](http://www2.dantri.com.vn) 16/3/2006.
9. Friedman, Thomas. Thế giới phẳng. Tóm lược lịch sử thế giới thế kỷ XXI. TP Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2006.
10. Hội thảo khoa học: Vốn xã hội trong phát triển (Hà Nội, 24.6.2006). <http://www.rced.com.vn> 5/07/2006.
11. Huntington, Samuel P. The Clash of Civilizations. Foreign Affairs. Summer 1993, Vol.72, no.3, p. 22-28. website: <http://www.alamut.com/subj/economics/misc/clash.html>.
12. Huntington, Samuel P. Sự va chạm của các nền văn minh. H.: Lao động, 2003.
13. Minh Huy. Người Việt Nam lạc quan nhất thế giới. [www.tuotitre.com.vn](http://www.tuotitre.com.vn) 2/01/2007.
14. Thu Hương. Nền kinh tế tri thức: thực hay ảo? <http://irv.moi.gov.vn> 15/10/2003.
15. <http://www.nea.gov.vn>
16. Mahathir Mohamad. The Asian values debate. Politics, Democracy and the New Asia. Volume 2, Selected Speeches, Pelanduk Publication, Kuala Lumpur. 2000
17. Lương Bích Ngọc - Hà Yên. Thảo luận tại Kỳ họp thứ 10 Quốc hội khoá XI: “Có những người lên chức chỉ lo kiếm tiền?”. [www.vnn.vn](http://www.vnn.vn), 18/10/2006.
18. Nhận diện nền kinh tế tri thức. <http://www.chungta.com> 10/2/2003.

19. Nhiều tác giả. Tranh luận để đồng thuận. H.: Tri thức, 2006.
20. Ông Trần Thanh Đạm bình luận cuốn “Thời cơ vàng của chúng ta”, <http://www.vnn.vn> 3/8/2006.
21. Popper, Karl. The Open Society and its Enemies. Routledge, London, 1980. (tiếng Việt : bản dịch của Nguyễn Quang A).
22. Quest, Richard. Việt Nam có thể trở thành con rồng châu Á, [www.vnn.vn](http://www.vnn.vn), 23/8/2005.
23. Hồ Sĩ Quý. Con người là trung tâm: sự khác biệt giữa hai quan điểm tiêu biểu. T/c Triết học số 11, 2002.
24. Hồ Sĩ Quý. Về giá trị và giá trị châu Á. H.: Chính trị quốc gia, 2005.
25. Hồ Sĩ Quý. Nghiên cứu định lượng về hạnh phúc và chỉ số hạnh phúc (HPI) của Việt Nam trong 178 nước năm 2006. Niên giám Thông tin Khoa học xã hội số 2/2007.
26. Rohland, Klaus. Việt Nam – câu chuyện lớn về thành công. [www.vnn.vn](http://www.vnn.vn) 30/12/2005.
27. Thanyathip Seriphama. Việt Nam sớm bắt kịp Thái Lan. [www.vnn.vn](http://www.vnn.vn) 10/02/2006.
28. Tofler, Alvin. Đợt sóng thứ ba. H.: Khoa học xã hội, 1996.
29. TTXVN. Bản tin số 250/TKNB-QT, 18/12/2005.
30. TTXVN. Bản tin số 001/TKNB-QT, 3/1/2006.
31. TTXVN. Bản tin số 126/TKNB-QT, 5/7/2006.
32. UNDP, HDR, 1990-2005.
33. Nguyễn Xuân. ODA: chuyện thế giới, chuyện Việt Nam và PMU 18. [www.mofa.gov.vn](http://www.mofa.gov.vn) 6/5/2006.
34. Weber, Max. The Protestant Ethic and the ‘Spirit’ of Capitalism. Roxbury Pub. Co, 2002.
35. [www.va21.org/hoithao/quocgia/vietnam](http://www.va21.org/hoithao/quocgia/vietnam) Hội thảo quốc gia về phát triển bền vững, Hà Nội, 12/2004.
36. [www.happyplanetindex.org](http://www.happyplanetindex.org)